

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư: Công ty Điện lực Hải Phòng - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc. Đại diện là ông: Nguyễn Hữu Hưởng Chức vụ: Giám đốc Địa chỉ: Số 9 đường Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Tài khoản: 2125678996868 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Trần Phú, Hải Phòng Mã số thuế: 0100100417-069 Điện thoại: 02253515390
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm: SCL Đường dây hạ thế các TBA Bình Kiều 1, Vườn Dừa, Bình Hải 3, Vạn Mỹ 19, Thượng Đoạn, Chùa Vẽ, Nhất Phương 3 - Đội QLĐLKV Hải An
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại: Thành phố Hải Phòng Được xác định trong Bản vẽ: Có – 1.1. Tập Bản vẽ
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: 90 ngày kể từ ngày khởi công công trình
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 90 ngày kể từ ngày khởi công công trình
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Theo biên bản giao tuyến.
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ___ [<i>ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu</i>].
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn giám sát là: Đội QLĐLKV Hải An
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: ___ [<i>Chủ đầu tư điền</i>]
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: - Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; - E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của nhà thầu trúng thầu; - E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT; - Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).
E-DKC 5.2	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (gồm 01 bản gốc + 04 bản sao). - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá trị hợp đồng. <ul style="list-style-type: none"> - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. - Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. <p>Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.</p> <p>Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 <i>[ghi số ngày cụ thể nhà thầu sẽ phải thực hiện gia hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng, thông thường là 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện của nhà thầu hết hiệu lực]</i> ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo

	đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.
E-ĐKC 5.4	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ tự động hết hiệu lực sau 28 ngày kể từ ngày công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng và Chủ đầu tư nhận được bản gốc Bảo lãnh bảo hành trị giá 5% giá trị hợp đồng cuối cùng.</p> <p>- Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, độc lập chi trả cho Chủ đầu tư và do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5 (%) Giá trị hợp đồng cuối cùng.</p>
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 05 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 05 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [<i>ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT</i>].
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng.
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Không yêu cầu
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm hàng hoá vận chuyển, bảo

	hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu.
E-ĐKC 20.1(a)	<p>Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ ngày công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng hoặc ngày phát hành bảo lãnh (tùy điều kiện nào đến trước) đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành (18 tháng).</p> <p>Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới</p>
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: Thành phố Hải Phòng.
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: _____ [ghi địa điểm và ngày].
E-ĐKC 27.2	<p>Thời gian đề tiến hành hòa giải: 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hoặc một khoảng thời gian khác do hai bên tự thoả thuận kể từ khi tranh chấp phát sinh.</p> <p>Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng hoà giải trong vòng 30 ngày kể từ khi phát sinh tranh chấp (hoặc một thời gian khác do 2 bên thoả thuận vào khi tranh chấp phát sinh) tranh chấp sẽ được giải quyết thông qua Toà án nhân dân khu vực 3 – Hải Phòng.</p> <p>Quyết định của Toà án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả 2 bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu án phí.</p> <p>Thời hiệu khởi kiện theo thủ tục trọng tài hoặc thời hiệu khởi kiện lên Toà án giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật.</p>
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày khởi công: Theo thông báo khởi công công trình của chủ đầu tư. - Ngày hoàn thành dự kiến: 90 ngày
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 7 ngày

	- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 3.000.000 đ
E-ĐKC 30.7	<p>Các trường hợp khác: Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>b) Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;</p> <p>c) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra.</p>
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị:
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định
E-ĐKC 41.1	<p>Giá hợp đồng: <i>[ghi giá hợp đồng theo giá trị nêu trong Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng]</i>.</p> <p>Giá Hợp đồng theo đơn giá cố định là giá trị đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo Hợp đồng, đến bản quyền, lợi nhuận của Bên nhận thầu và tất cả các loại thuế liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Đơn giá hợp đồng là đơn giá tổng hợp bao gồm đầy đủ các yếu tố sau: chi phí trực tiếp về vật liệu, nhân công, máy, các chi phí trực tiếp khác; chi phí chung, thuế suất, mức phí, lệ phí và lãi của nhà thầu; các chi phí xây lắp khác được phân bổ trong đơn giá dự thầu như xây bến bãi, nhà ở công nhân, kho xưởng, điện nước thi công, vận chuyển đất thừa đổ đi, kể cả việc sửa chữa đền bù đường có sẵn mà xe, thiết bị thi công của nhà thầu thi công vận chuyển vật liệu đi lại trên đó, đền bù thiệt hại do quá trình thi công gây ra, các chi phí bảo vệ môi trường cảnh quan do đơn vị thi công gây ra, chi phí cấp phép thi công, chi phí xin phép, không chế, điều tiết kéo dây vượt sông, vượt đường bộ, đường sắt, các chi phí dịch vụ liên quan khác... (nếu có).</p>

E-ĐKC 42.1

Tạm ứng: Việc tạm ứng cho Nhà thầu theo hợp đồng sẽ được thực hiện theo các điều khoản và phương pháp sau đây:

- Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VNĐ).

- Hình thức: Chuyển khoản.

- Tạm ứng: 20% giá trị hợp đồng trước thuế sẽ được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày khi Chủ đầu tư nhận được các chứng từ sau:

+ Đơn xin tạm ứng của Nhà thầu:

+ Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

+ Bảo lãnh trả trước do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp và có uy tín tại Việt Nam phát hành có giá trị tương ứng số tiền tạm ứng (Bảo lãnh tạm ứng là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang phải có hiệu lực đến khi thu hồi hết tiền tạm ứng.

+ Chứng nhận bảo hiểm vật tư máy móc thi công; bảo hiểm tự nguyện dân sự đối với người thứ 3 + hợp đồng bảo hiểm.

- Hoàn trả tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng sẽ được hoàn trả bằng cách khấu trừ đi số tiền theo tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán khối lượng hoàn thành của Nhà thầu theo từng giai đoạn và thu hồi hết giá trị tạm ứng khi khối lượng thanh toán nghiệm thu gói thầu đạt đến 80 % giá trị hợp đồng.

Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng

Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả. Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên

	<p>danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p>
<p>E-ĐKC 44.1</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phương thức thanh toán: Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo đơn giá quy định tại Bảng giá hợp đồng trên cơ sở nghiệm thu khối lượng và chất lượng từng giai đoạn thanh toán sau khi Nhà thầu hoàn thành từng hạng mục công trình có biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành từng hạng mục công trình. - Thời hạn thanh toán: <ul style="list-style-type: none"> + Bên giao thầu sẽ thanh toán cho nhà thầu trong vòng 14 ngày làm việc, kể từ ngày chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của nhà thầu. + Bên giao thầu chậm thanh toán 7 ngày sau thời hạn theo quy định thì phải bồi thường cho Bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do ngân hàng thương mại mà nhà thầu mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Bên giao thầu đó thanh toán đầy đủ cho Bên nhận thầu. - Thanh toán khối lượng còn lại. <ul style="list-style-type: none"> Bên giao thầu sẽ thanh toán toàn bộ các khoản tiền bị giữ lại cho Bên nhận thầu khi các bên đã đủ căn cứ để xác định giá trị của các lần thanh toán và khi Bên nhận thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành hạng mục theo quy định cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + 20% giá trị khối lượng hoàn thành còn lại của từng hạng mục công trình sẽ được thanh toán cho nhà thầu trên cơ sở nhà thầu hoàn tất Hồ sơ quyết toán được Chủ đầu tư thẩm tra theo đúng quy định. + 10% giá trị khối lượng hoàn thành còn lại của từng hạng mục công trình sẽ được thanh toán cho nhà thầu khi có đủ các hồ sơ sau: <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định phê duyệt quyết toán từng hạng mục công trình hoàn thành của Chủ đầu tư. + Thanh lý hợp đồng của từng hạng mục công trình. + Nhà thầu nộp Bảo lãnh ngân hàng về số tiền bảo hành của từng hạng mục công trình bằng 5% tổng giá trị của từng hạng mục công trình (Bảo lãnh bảo hành có thời hạn 18 tháng tính từ ngày từng hạng mục công trình được nghiệm thu, bàn giao). - Hình thức thanh toán: chuyển khoản.

	<p>- Hồ sơ thanh toán:</p> <p>+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng) có xác nhận của đại diện Bên giao thầu và đại diện Bên nhận thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết;</p> <p>+ Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện Bên giao thầu và đại diện Bên nhận thầu;</p> <p>+ Đề nghị thanh toán của Bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng của từng hạng mục công trình, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện Bên giao thầu và đại diện Bên nhận thầu;</p>
E-ĐKC 45	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
E-ĐKC 46.1	<p>Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5%</p>
E-ĐKC 47.1(d)	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Áp dụng</p>
E-ĐKC 47.7	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0 % giá trị giảm giá hợp đồng.</p>
E-ĐKC 49.1	<p>Mức phạt:</p> <p>1. Đối với VTTB cung cấp cho gói thầu:</p> <p>- Phạt chậm tiến độ: Khi Bên B vi phạm nghĩa vụ hoàn thành công tác cung ứng VTTB theo điều khoản về tiến độ thì sẽ bị phạt như sau: Phạt 1% giá trị phần hàng hoá VTTB bị vi phạm cho mỗi tuần, khi nhà thầu chậm đến 5 tuần Bên A sẽ xem xét đình chỉ thực hiện phần việc bị vi phạm này và sẽ</p>

ký kết hợp đồng với một nhà thầu khác để thực hiện, chi phí cho việc này sẽ được trừ vào giá trị hợp đồng.

- Phạt vi phạm chất lượng: Trong thời gian bảo hành theo hợp đồng nếu hàng hoá, VTTB hư hỏng do không đảm bảo về chất lượng thì nhà thầu có trách nhiệm thay thế theo quy định tại điều khoản của bảo hành.

2. Đối với phần xây dựng: Trong trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng theo tiến độ (Ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì bên B sẽ bị phạt những khoản tiền như sau:

- Phạt 0,5 % giá trị xây lắp bị vi phạm cho mỗi tuần;

- Khi bên B chậm đến 8 tuần thì Bên A sẽ xem xét đình chỉ hợp đồng và tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng;

- Bên B vi phạm nghĩa vụ nộp tiến độ thi công chi tiết và biện pháp tổ chức thi công thì bị phạt 0,5 % giá trị hợp đồng. Khi bên B chậm đến 2 tuần thì bên A sẽ xem xét đình chỉ hợp đồng và tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

- Trong trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, bên B sẽ chịu mọi chi phí và thực hiện việc sửa chữa theo yêu cầu của bên A để đảm bảo chất lượng và bị phạt 0,5% giá trị phần hợp đồng xây lắp bị vi phạm về chất lượng. Trường hợp do sửa chữa mà phải kéo dài thời gian hoàn thành công trình thì tiếp tục xử lý phạt.

3. Trong trường hợp bên B không thực hiện hợp đồng thì sẽ tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

4. Các trường hợp vi phạm ngoài việc phải chịu phạt như quy định ở trên, nhà thầu còn phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về bồi thường thiệt hại do vi phạm trực tiếp hay gián tiếp gây ra cho Bên A hoặc Bên thứ 3.

5. Phạt do chậm nộp hồ sơ quyết toán: Trong trường hợp Nhà thầu chậm trễ trong việc lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trình Chủ đầu tư thẩm tra, thẩm định phê duyệt thì Chủ đầu tư có quyền xem xét xử phạt nhà thầu vi phạm thời gian chậm nộp hồ sơ quyết toán của nhà thầu. Mức Phạt được quy định phạt 0,1 % giá trị hợp đồng cho mỗi tuần chậm nộp hồ sơ quyết toán. Nhưng tổng số tiền phạt do chậm nộp hồ sơ quyết toán không quá 5% giá trị của Hợp đồng.

6. Mọi trường hợp vi phạm trên được hiểu là do lỗi chủ quan của nhà thầu, các trường hợp này sẽ là cơ sở để Bên A xem xét khả năng, năng lực, uy tín của nhà thầu trong việc tham gia thực hiện các gói thầu khác do Bên A quản lý.

7. Nếu 03 lần kiểm tra công trình, bên A phát hiện bên B không có đủ nhân lực bộ máy thi công, máy móc, thiết bị thi công, vật tư thiết bị theo

	tiền độ cam kết trong hợp đồng và biện pháp, tiến độ tổ chức thi công đã được bên A chấp thuận, bên A có quyền đình chỉ hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bên B còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự vi phạm gây ra.
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: Không áp dụng
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: dự kiến 90 ngày
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: 15 ngày sau khi ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình.
E-ĐKC 55.2	Tổng số tiền giữ lại vì không nộp BVHC vào ngày yêu cầu được tính bằng: 2.000.000 đ
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 15 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.